

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**
TỈNH ĐỒNG NAI

Bản án số: **07/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 17- 01- 2025

V/v “*Tranh chấp không công nhận
quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh.
2. Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Nguyễn Thị Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 2691/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 443/2024/QĐXXST - HNGĐ, ngày 31 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thụy Ý N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số B, L, khu phố C, phường T, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

- Bị đơn: Ông Trần Anh T, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Số A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà N, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thụy Ý N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông Trần Anh T tự nguyện yêu thương, tìm hiểu và chung sống với nhau từ đầu năm 2021 nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi chung sống như vợ chồng thì bà N và ông T hạnh phúc với nhau được một khoảng thời gian. Sau đó, bà N và ông T bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên lục đục, xích mích. Nguyên nhân của những mâu thuẫn là do trong quá trình chung sống không hợp

nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm, suy nghĩ của hai vợ chồng trái ngược... dẫn đến tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì không muốn gia đình tan vỡ, đã nhiều lần ngồi lại tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng vẫn không có kết quả. Hiện tại, bà N và ông T đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 cho đến nay. Xét thấy, cuộc sống của vợ chồng không hòa thuận, tình cảm không còn, không thể chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà N đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông Trần Anh T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà N và ông T có 01 con chung: Cháu Trần Anh M, sinh ngày 27/6/2022. Nay không công nhận quan hệ vợ chồng, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M. Tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Anh T trình bày:** Ông T và bà N chung sống với nhau thời gian ngắn nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả nên ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay bà N khởi kiện đề nghị Tòa án tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N với ông T thì ông T đồng ý.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, có 01 con chung: Cháu Trần Anh M, sinh ngày 27/6/2022. Nay ông T đồng ý để bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:** Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lê Thụy Ý N, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T.

Về con chung: Giao cháu Trần Anh M, sinh ngày 27/6/2022 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Các đương sự trình bày tự thỏa thuận đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự trình bày không có đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thụy Ý N xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn ông Trần Anh T có nơi cư trú tại địa chỉ: Số A, khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Khoản 7, khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

Tại phiên tòa, bà N, ông T có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, ông T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông T tự nguyện yêu thương, tìm hiểu và chung sống với nhau từ đầu năm 2021 nhưng chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy việc kết hôn của bà N và ông T không tuân thủ quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không có giá trị về mặt pháp lý.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, nay bà N đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T. Ông T đồng ý với yêu cầu khởi kiện không công nhận quan hệ vợ chồng của bà N. Căn cứ Điều 14, 15 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, chấp nhận đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà N và ông T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông T có 01 con chung: Cháu Trần Anh M, sinh ngày 27/6/2022. Bà N trình bày hiện nay cháu M đang do bà trực tiếp nuôi dưỡng nên bà N yêu cầu Tòa án giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình làm việc, ông T đồng ý giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định không ảnh hưởng đến tâm lý của cháu M thì tại thời điểm hiện nay việc giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu của bà N giao cháu M cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà N, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà N, ông T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa thì thấy phù hợp với tài liệu, chứng cứ, quy định pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 7, khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thụy Ý N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thụy Ý N và ông Trần Anh T là vợ chồng.

- Về con chung: Giao cháu Trần Anh M, sinh ngày 27/6/2022 cho bà Lê Thụy Ý N trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Tạm thời ông Trần Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu M. Ông T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thụy Ý N phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hoà theo biên lai thu số 0004563 ngày 05 tháng 11 năm 2024 (Bà N đã nộp xong).

3. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Biên Hoà;
- Chi cục THADS TP. Biên Hoà;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trần Trúc Thuỷ

